

BÁO CÁO
MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2024

S TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Năm 2024			Năm 2023		Tỷ lệ (%)			
				Thực hiện tháng 11	Ước tính tháng 12	Lũy kế đầu năm đến cuối tháng 12	Thực hiện tháng 12	Lũy kế đầu năm đến cuối tháng 12	Ước tính tháng 12/2024 so với kế hoạch	Ước tính tháng 12/2024 so với cùng kỳ	Lũy kế đến cuối tháng 12/2024 so với kế hoạch	Lũy kế đến cuối tháng 12/2024 so với cộng đồng cùng kỳ năm trước
	SẢN PHẨM CHỦ YẾU											
1	Điện SX trên địa bàn	103kwh	12,515,000	768,000	893,000	10,001,249	1,086,000	10,685,000	7.14	82.23	79.91	93.60
2	Đường	tấn	340,000	1,450	61,800	329,490	43,002	315,957	18.18	143.71	96.91	104.28
3	Chè các loại	tấn	2,100	95	114	2,142	101	1,970	5.43	112.87	102.00	108.73
4	Tinh bột Sắn	tấn	267,000	33,060	31,000	198,712	28,758	176,073	11.61	107.80	74.42	112.86
5	Gỗ dán ván ép (MDF)	m3	58,300	5,274	4,091	34,330	-	16,613	7.02	#DIV/0!	58.89	206.65
6	Đá Granit	m2	1,460,000	120,500	115,245	1,460,526	112,000	1,432,708	7.89	102.90	100.04	101.94
7	Phân Vi sinh	tấn	38,000	3,520	3,739	38,439	2,962	36,550	9.84	126.23	101.15	105.17
8	Sản phẩm cơ khí	tấn	15,300	1,481	1,522	15,304	1,180	14,800	9.95	128.98	100.03	103.41
9	Sản phẩm sữa	1000 lít	34,800	3,999	3,998	41,333	3,152	35,388	11.49	126.84	118.77	116.80
10	Sản phẩm nước ép trái cây	tấn	40,000	1,460	1,580	18,129	1,854	21,205	3.95	85.22	45.32	85.49

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
#####	16,579,887	17972597.5	19482295.7	21118808.5	22892788.5	24815783	26900308.4	29159934.34	
109.69									

825,048,000.0
235,728,000.0
589,320,000.0
2,380,358,313.23

Đường tỉnh chế
Nhà máy đường An Khê
Nhà máy mía đường nhiệt điện - Công TNHH MTV Thành Thành Công GL
Tỉnh bột sắn
- NM CB NS XK Phú Túc - Cty TNHH MTV TP & ĐT FOCOCEV
- NM SX tinh bột sắn Mang Yang - CN Cty CP nông sản thực phẩm Quảng Ngãi
Thêm
NM tinh bột sắn Ia Pa
- NM SX tinh bột sắn Gia Lai - CN Cty CP nông sản thực phẩm Quảng Ngãi

276,450,000.00
3,481,856,313.23

5T/2008

A	GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG
I	Phân theo thành phần kinh tế:
1	Khu vực kinh tế trong nước

#REF!
#REF!

1.1	Công nghiệp quốc doanh	#REF!
	- <i>CN QD Trung ương</i>	#REF!
	- <i>CN QD địa phương</i>	164,608
1.2	Công nghiệp Ngoài quốc doanh	639,794
2	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	39,827
II	Phân theo ngành	#REF!
1	Công nghiệp khai thác	60,264
2	Công nghiệp chế biến	#REF!
3	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước và ga	#REF!
B	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	
1	Điện SX trên địa bàn	#REF!
	Phần TW quản lý	#REF!
	<i>Phát thủy điện</i>	#REF!
	<i>Phát diezen + năng lượng khác</i>	341
	Phần địa phương quản lý	36,280
2	Sản phẩm cơ khí	2,470
3	Gạch nung các loại	45
4	Xi Măng	58,987
	Trong đó địa phương	27,594
5	Gỗ tinh chế:	11,477
	Trong đó địa phương	10,007
6	Gỗ xẻ các loại:	15,934
	Trong đó địa phương	15,619
7	Gỗ ván MDF	25,061
8	Xây xát lương thực	149,805
9	Đường	41,628
	Đường Ayun Pa	18,907
10	Chè các loại	153
11	Tinh bột Sắn	18,944
	Đầu tư nước ngoài	6,399
12	Điều nhân	1,019
	Trong đó điều OLAM	466
13	Trang in	917
14	Nước sinh hoạt	1,195
15	Phân Vi sinh	28,385
16	Đá Granit	110,114

